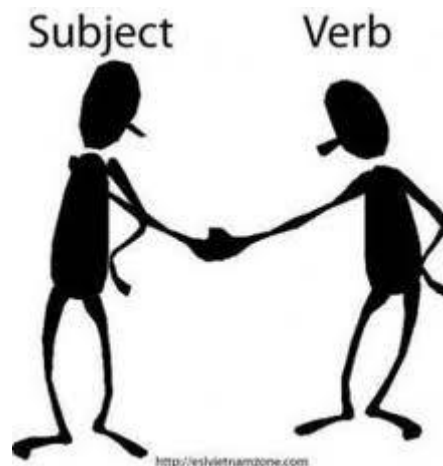


## SUBJECT - VERB AGREEMENT



### Thế nào là sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ?

Việc lựa chọn **động từ số nhiều hay số ít** để sử dụng với **chủ ngữ** được gọi là sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ.

Thông thường chủ ngữ số ít đi với động từ số ít, chủ ngữ số nhiều đi với động từ số nhiều. Tuy nhiên có những trường hợp ngoại lệ.

Bài học này chỉ tập trung xét những trường hợp ngoại lệ mà các em cần lưu ý thôi nhé.

**Chú ý:** Các từ viết tắt trong bài học này: **N (danh từ)**, **V (động từ)**

## Khi danh từ làm chủ ngữ (Nouns as subject)

### 1. Khi chủ ngữ là N số ít có dạng số nhiều → V số ít

Các danh từ số ít nhưng có dạng số nhiều thường là tên các bệnh, các môn học, môn thể thao,... Cụ thể:

- Một số bệnh: rabies (bệnh dại), measles (bệnh sởi)...
  - Môn học: mathematics (môn Toán), physics (môn Vật lý)...
  - Môn thể thao: athletics (môn điền kinh), gymnastics (thể dục dụng cụ), billiards (bi-a)...
  - Means (phương tiện), series (chuỗi, dãy)
- e.g.:

+ Rabies is an incurable disease. (Bệnh dại là một bệnh không thể chữa được.)

+ Mathematics is my favourite subject. (Toán là môn học yêu thích của tôi.)

### 2. Khi chủ ngữ là N số nhiều có dạng

## **số ít → V số nhiều**

Có những danh từ ở dạng số ít (không có "s" ở cuối) nhưng lại có ý nghĩa số nhiều. Trong trường hợp đó động từ chia ở dạng số nhiều.

- fish (dùng *fishes* khi nói đến các loài cá khác nhau)
- deer (*hươu* - vừa là số nhiều vừa là số ít)
- sheep (*cừu*)
- buffalo (*trâu*)
- offspring (*con cái*)
- police (*cảnh sát*)...

e.g.:

+ Deer are animals that have antlers. (Hươu là động vật có sừng.)

+ The police are looking for the robbers. (Cảnh sát đang truy lùng những tên cướp.)

## **3. Khi chủ ngữ là N luôn có dạng số nhiều → V số nhiều**

Có nhiều danh từ không có dạng số ít mà chỉ có dạng số nhiều (luôn có "s" đằng sau) thì động từ chia theo các danh từ đó cũng ở dạng số nhiều.

**belongings** (tài sản)  
**clothes** (quần áo)  
**congratulations** (lời chúc mừng)  
**earnings** (thu nhập)  
**outskirts** (ngoại ô)  
**goods** (hàng hóa)  
**particulars** (thông tin)  
**premises** (dinh cơ)  
**riches** (tài nguyên)  
**savings** (tiền tiết kiệm)  
**stairs** (cầu thang)  
**surroundings** (khu vực xung quanh)  
**thanks** (lời cảm ơn)

e.g.:

+ The old woman's savings are kept under the bed. (Tiền tiết kiệm của bà lão ấy được giấu dưới gầm giường.)

+ Natural surroundings help give us peace of mind. (Cảnh vật thiên nhiên xung quanh đem đến cho chúng tôi sự thanh thản trong tâm hồn.)

**Với các danh từ tập hợp (Collective nouns)**

Với các danh từ tập hợp, động từ có thể được chia ở dạng số ít hoặc số nhiều, tùy thuộc vào văn cảnh.

+ Nếu **N** được nói đến như **một thể thống nhất** → **V số ít**

+ Nếu **N** được nói đến là **các thành viên trong tập hợp** đó → **V số nhiều**

e.g.:

+ The committee has decided to close the restaurant. (Ủy ban quyết định đóng cửa nhà hàng đó.)

=> Nói đến ủy ban như một thể thống nhất.

+ Boston school's committee disagree about what to cut from the school budget. (Những thành viên trong hội đồng trường Boston bất đồng về việc cắt giảm những gì trong ngân sách của trường)

=> Nói đến các thành viên trong hội đồng đó.

Các danh từ tập hợp:

**associatio**

**n** (liên

hiệp)

**audience**

(khán giả)

**class** (lớp)

**club** (câu lạc bộ)

**college** (hội, đoàn thể)

**committee** (ủy ban)

**community** (cộng đồng)

**company** (công ty)

**council** (hội đồng)

**crowd** (đám đông)

**department** (phòng, ban)

**electorate** ( cử tri)

**enemy** (kẻ thù)

**family** (gia đình)

**press** (giới báo chí)

**firm** (công ty)

**public** (công chúng)

**generation** (thế hệ)

**school** (trường học)

**government** (chính phủ)

**group** (nhóm)

**staff** (nhân viên)

**team** (đội, nhóm)

**orchestra** (ban nhạc)

**population** (dân số, nhân dân)

**board** (hội đồng)

**jury** (bồi thẩm đoàn)

**union** (hiệp hội)

## Các từ chỉ lượng (Quantifiers)

Các từ chỉ lượng đi kèm với danh từ cũng ảnh hưởng đến dạng của động từ.

### **1. Each/ Every + N số ít → V số ít**

e.g.: Every day is a happy day. (Mỗi ngày là một ngày vui.)

### **2. Each of + N số nhiều → V số ít**

e.g.: Each of the students has to sing a song. (Mỗi em học sinh phải hát một bài.)

### **3. Any/ Either/ Neither/ None + of N số nhiều → V số ít**

e.g.: None of these pens works. (Những chiếc bút này chẳng cái nào viết được cả.)

\* Trong văn phong không trang trọng có thể chia động từ ở dạng số nhiều.

e.g.: None of these pens work.

### **4. Most/ A lot/ A majority/ A minority + of + N số nhiều → V số nhiều**

e.g.:

+ Most of the tomatoes are too ripe. (Hầu hết số cà chua đó đều đã chín lắm rồi.)

+ A majority of those kids are from the ages of 3 to 5. (Những đứa trẻ đó phần lớn là từ 3 đến 5 tuổi.)

## 5. A number of + N số nhiều → V số nhiều (*a number of = many*)

The number of + N số nhiều → V số ít

e.g.:

+ A number of tourists have complained about this hotel. (Rất nhiều khách du lịch phàn nàn về khách sạn này.)

+ The number of tourists at this hotel has fallen this year. (Số lượng khách du lịch nghỉ tại khách sạn này năm nay đã giảm xuống.)

## 7. Chia động từ ở dạng số ít khi chủ ngữ là: *một khoảng cách, một số tiền, một khoảng thời gian*

e.g.:

+ A hundred thousand dollars is a big sum of money. (100 nghìn đô là một số tiền lớn.)

+ Five minutes is not enough time for me to do it. (5 phút là không đủ cho tôi để làm việc đó.)

+ Twenty kilometers is too far to ride. (20 ki-lô-mét là quá xa để đạp xe.)



## Các cấu trúc song song (Parallel structures)

Các em cần chú ý cách chia động từ trong một số cấu trúc song song:

### 1. N1 and N2 → V số nhiều

e.g.: Chicken and beef are my favourites. (Thịt gà và thịt bò là những món tôi thích.)

\* Lưu ý trong một số cụm từ có *and* động từ chia ở dạng số ít vì nó nói đến một thứ chứ không phải hai thứ.

e.g.: Fish and chips is a popular dish in Britain. (Cá tẩm bột và khoai tây rán là món ăn phổ biến ở Anh.)

=> fish and chips là tên một món ăn.

### 2. Both A and B → V số nhiều

e.g.: Both Ann and her husband are good cooks. (Cả Ann và chồng cô ấy đều là những đầu bếp giỏi.)

### 3. Not only A but also B // Either A or

**B // Neither A nor B → V phụ thuộc vào B**

e.g.: Not only the students but also the teacher is happy with the results. (Không chỉ học sinh mà cả giáo viên cũng hài lòng với kết quả đó.)

**4. A together with B // A as well as B // A along with B → V phụ thuộc vào A**

e.g.: He together with his students is on holiday. (Ông ấy cùng các học sinh của mình đang đi nghỉ.)